

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2022
V/v “Ly hôn, chia tài sản khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.
2. Ông Đào Danh Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đông H, sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: b, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Đông H trình bày:

Ông Nguyễn Đông H và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện không ai mai mối, ép buộc, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới.

Cuộc sống chung giữa ông H và bà H hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân rạn nứt do vợ chồng không còn tin tưởng nhau và do thiếu trung thực và không minh bạch trong tài chính, tài sản được tích lũy, do bất đồng quan điểm nên thường cãi vã, và vợ chồng không có tiếng nói chung, có 01 lần xô sát là do ông H và bà H ẩu đả nhưng các con có lời lẽ hỗn hào với ông H nên ông H buồn mới vác rựa hù dọa chứ không có mục đích gì khác. Hiện tại ông H và bà H còn sống chung trong một nhà nhưng ly thân từ năm 2014 và ông H đã nấu ăn riêng khoảng 05 năm nay, ông H và bà H mạnh ai nấy sống,

không còn lệ thuộc nhau về mặt tài chính, và tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông H và bà H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1991; Nguyễn Đông H, sinh năm: 1993 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 2000 hiện các con đã trưởng thành nên ông H không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ông H và bà H có tài sản chung là diện tích đất 11.352,9m² thuộc thửa 180 tờ bản đồ số 54 xã HH trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Nay ông H xin rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất nêu trên, ông H và bà H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc ông H xin rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện.

- Về nợ chung: Ông H và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về thời gian điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông H trình bày là đúng. Bà H xây dựng gia đình với Ông Nguyễn Đông H vào năm 1990 có đăng ký kết hôn tại xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cuộc sống chung hạnh phúc, ít khi xảy ra cãi vã. Tuy nhiên, đến năm 2014 ông H thường xuyên vắng nhà nên bà H có xúc phạm ông H nên ông H đánh bà H, các con bệnh vực bà H nên ông H có vác rựa đòi chém con trai bà H nên bà H báo Công an xã HH can thiệp, ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác, bà H và ông H vẫn chung sống hạnh phúc. Hiện tại bà H và ông H vẫn còn sống chung trong một nhà, nhưng ly thân từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng vẫn thương yêu giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nay theo yêu cầu ly hôn của ông H thì bà H không đồng ý ly hôn vì bà H vẫn còn tình cảm với ông H, bà H muốn vợ chồng chung sống để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Bà H và ông H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1991; Nguyễn Đông H, sinh năm: 1993 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 2000 hiện các con đã trưởng thành nên bà H không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Bà H và ông H có tài sản chung là diện tích đất 12.416 m² thuộc thửa 180 tờ bản đồ số 54 xã HH trên đất có 02 căn nhà cấp 4, 01 căn nhà của vợ chồng bà H và 01 căn nhà cấp 4 của con gái bà H tên Nguyễn Thị Ngọc D. Về tài sản chung tại phiên tòa bà H yêu cầu Tòa án chia căn nhà cấp 4 trên diện tích đất trên.

- Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Đông H yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung với Bà Nguyễn Thị H đây là quan hệ pháp luật “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại huyện XM theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H xây dựng gia đình vào năm 1990 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01, ngày 21/3/1990 tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và về mâu thuẫn vợ chồng ông H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn tin tưởng nhau nên thường xảy ra cãi vã, có lần xảy ra xô sát. Bà H thì cho rằng cuộc sống chung giữa bà H và ông H hạnh phúc, ít xảy ra cãi vã. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H, bà H không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với ông H.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do ông H và bà H không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không rõ mâu thuẫn giữa ông H và bà H. Tuy nhiên, hiện nay ông H và bà H đều xác nhận mặc dù còn sống chung trong một nhà nhưng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Tại bản khai ngày 23/5/2022 bà H trình bày “hiện tôi đang canh tác trên mảnh đất đó để nuôi con 05 năm nay. Một mình nuôi con, anh không tham gia tăng gia sản xuất để nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, từ đó cho thấy ông H và bà H mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Bà H cho rằng vẫn còn thương yêu ông H và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy bà H yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng bà H không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích ông H và bà H trở về đoàn tụ chung sống nhưng ông H vẫn nhất quyết xin ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông H và bà H thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà H.

[3] Về con chung: Ông H và bà H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1991; Nguyễn Đông H, sinh năm: 1993 và Nguyễn Thị Yến N,

sinh năm: 2000 hiện các con đã trưởng thành, ông H và bà H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ông H có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là diện tích đất 11.352,9m² thuộc thửa 180 tờ bản đồ số 54 xã HH trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Quá trình làm việc và tại phiên tòa ông H xin rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất nêu trên, việc ông H xin rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà H có yêu cầu Hội đồng xét xử chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 của bà H và ông H trên thửa đất 180, tờ bản đồ 54 xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu tòa án chia tài sản chung, theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự thì *“Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”*. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết chia tài sản chung theo yêu cầu của bà H trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện cho bà H bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Ông H và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Đông H đối với Bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đông H được ly hôn với Bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Ông H và bà H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1991; Nguyễn Đông H, sinh năm: 1993 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 2000 hiện các con chung đã trưởng thành. Ông H và bà H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của Ông Nguyễn Đông H đối với diện tích đất 11.352,9m² thuộc thửa 180 tờ bản đồ số 54 xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và 01 căn nhà cấp 4 trên đất.

4. Về tài sản chung và nợ chung của Ông Nguyễn Đông H và Bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Đông H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010929 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoàn trả lại cho ông H số tiền chênh lệch là 7.670.000đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã HH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo